

CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ BÀI TẬP TÌNH HUỐNG

HỌC PHẦN: PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Chương .

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC

A. CÁC CÂU HỎI ÔN TẬP LÝ THUYẾT

- Câu 1. Hãy nêu các học thuyết phi Mác-xít về nguồn gốc của Nhà nước?
- Câu 2. Hãy nêu học thuyết của chủ nghĩa Mác-LêNin về nguồn gốc Nhà nước?
- Câu 3. Hãy trình bày chế độ xã hội thời kỳ cộng sản nguyên thủy?
- Câu 4. Hãy trình bày sự tan rã của chế độ thị tộc và sự xuất hiện Nhà nước?
- Câu 5. Hãy nêu khái niệm và đặc trưng cơ bản của Nhà nước?
- Câu 6. Hãy trình bày bản chất và chức năng của Nhà nước?
- Câu 7. Hãy trình bày về hình thức của Nhà nước?
- Câu 8. Chế độ chính trị là gì? Trình bày các phương pháp thực hiện quyền lực nhà nước?
- Câu 9. Kiểu Nhà nước là gì? Hãy nêu các kiểu Nhà nước trong lịch sử?

B. CÂU HỎI ĐÚNG/ SAI GIẢI THÍCH TẠI SAO

- 1. Theo học thuyết tâm lý, Nhà nước ra đời là do nhu cầu của con người trong xã hội khi chưa có nhà nước, muốn cùng nhau lập ra nhà nước để quản lý xã hội.
- 2. Nhà nước ra đời và tồn tại bất biến, vĩnh cửu.
- 3. Nguyên nhân trực tiếp của sự ra đời nhà nước là do sự phát sinh và phát triển của chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất trong xã hội.
- 4. Quyền lực kinh tế đóng vai trò quan trọng nhất bởi nó tạo nên sự lệ thuộc cơ bản nhất giữa giai cấp bị trị đối với giai cấp thống trị.
- 5. Nhà nước ra đời, tồn tại và phát triển gắn liền với xã hội có giai cấp.
- 6. Tùy vào các kiểu nhà nước khác nhau mà bản chất nhà nước có thể là bản chất giai cấp hoặc bản chất xã hội.
- 7. Nhà nước mang bản chất giai cấp có nghĩa là nhà nước chỉ thuộc về một giai cấp hoặc một liên minh giai cấp nhất định trong xã hội.
- 8. Nhà nước là một bộ máy cưỡng chế đặc biệt do giai cấp thống trị tổ chức ra và sử dụng để thực hiện sự thống trị đối với xã hội.
- 9. Không chỉ có nhà nước mới có bộ máy chuyên chế làm nhiệm vụ cưỡng chế, điều đó đã tồn tại từ xã hội cộng sản nguyên thủy.

10. Nhà nước là một bộ máy bạo lực do giai cấp thống trị tổ chức ra để trấn áp các giai cấp đối kháng.

11. Nhà nước trong xã hội có giai cấp quản lý dân cư theo sự khác biệt về chính trị, tôn giáo, địa vị giai cấp.

12. Trong ba loại quyền lực kinh tế, quyền lực chính trị, quyền lực tư tưởng thì quyền lực chính trị quan trọng nhất vì đó là sự bảo đảm sức mạnh cưỡng chế của giai cấp thống trị và giai cấp bị trị.

13. Bản chất xã hội của Nhà nước càng nổi trội so với bản chất giai cấp, thì nhà nước đó càng dân chủ, tiến bộ.

14. Kiểu nhà nước là cách thức tổ chức quyền lực nhà nước và những phương pháp để thực hiện quyền lực nhà nước.

15. Mọi nhà nước đều phải trải qua 4 kiểu nhà nước.

16. Chức năng lập pháp của nhà nước là hoạt động xây dựng pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật.

17. Chức năng hành pháp của nhà nước là hoạt động nhằm bảo đảm cho pháp luật được thực hiện nghiêm minh và bảo vệ pháp luật trước những hành vi vi phạm.

18. Chức năng tư pháp của nhà nước là mặt hoạt động bảo vệ pháp luật.

19. Mọi hoạt động của nhà nước nhằm thực hiện nhiệm vụ cơ bản của mình đều được gọi là chức năng của nhà nước.

20. Giai cấp thống trị đã thông qua nhà nước để xây dựng hệ tư tưởng của giai cấp mình thành hệ tư tưởng thống trị trong xã hội.

21. Bản chất xã hội của Nhà nước là việc giải quyết tất cả các vấn đề khác nảy sinh trong xã hội.

22. Lãnh thổ, dân cư là những yếu tố cấu thành lên một quốc gia.

23. Chủ quyền quốc gia là quyền độc lập tự quyết của quốc gia trong lĩnh vực đối nội.

24. Chủ quyền quốc gia chỉ là thuộc tính không thể chia cắt của một nhà nước

25. Nhà nước là chủ thể duy nhất có quyền ban hành pháp luật và quản lý xã hội bằng pháp luật.

26. Nhà nước thu thuế với mục đích duy nhất đảm bảo công bằng xã hội và tiền thuế nhằm đầu tư cho người nghèo trong xã hội.

27. Thông qua hình thức nhà nước biết được ai là chủ thể nắm quyền lực nhà nước và việc tổ chức thực thi quyền lực Nhà nước như thế nào.

28. Căn cứ hình thức chính thể Nhà nước, ta biết được Nhà nước đó có dân chủ hay không.

29. Trong hình thức chính thể quân chủ thì quyền lực tối cao của nhà nước thuộc một tổ chức được nhân dân bầu ra.

30. Chế độ chính trị là toàn bộ các phương pháp, cách thức thực hiện quyền lực nhà nước.

C. BÀI TẬP TÌNH HUỐNG

Tình huống 1. Hồng Kông (Hương Cảng (1)) là lãnh thổ của Trung Quốc từ thời cổ đại và bị người Anh chiếm sau cuộc chiến tranh thuốc phiện 1840-1842. Ngày 19/12/1984, Chính phủ Trung Quốc và Chính phủ Anh đã ký Tuyên bố chung về vấn đề Hồng Kông trong đó khẳng định Chính phủ Trung Quốc sẽ thực hiện chủ quyền đối với Hồng Kông từ ngày 01/7/1997. Ngày 4/4/1990 - bảy năm trước khi chính thức thu hồi Hồng Kông, Quốc hội Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã ban hành “Luật cơ bản của Đặc khu hành chính Hương Cảng của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa”. Luật này có hiệu lực từ ngày 01/7/1997. Hồng Kông không phải là một bang của Trung Quốc, vì Trung Quốc không phải là nhà nước liên bang. Hồng Kông cũng không phải là đặc khu kinh tế của Trung Quốc. Hồng Kông có quy chế “một quốc gia, hai chế độ”. Và đây là mô hình đầu tiên trên thế giới được áp dụng ở Trung Quốc. Dựa trên những sự kiện trên và sự tìm hiểu của anh/chị, hãy cho biết:

- a. Hồng Kông có phải là một Nhà nước hay là một vùng lãnh thổ? Để được xác định là một quốc gia hay một nhà nước phải đảm bảo những yếu tố nào?
- b. Anh/chị hãy nêu ra những trường hợp tương tự Hồng Kông trên thế giới hiện nay?
- c. Anh/chị hiểu như thế nào là “một quốc gia, hai chế độ”.
- d. Liên hệ với Việt Nam, Tại sao trước năm 1945, trên bản đồ thế giới không có nước Việt Nam mà chỉ là xứ An Nam?

CHƯƠNG.

NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

A. CÁC CÂU HỎI ÔN TẬP LÝ THUYẾT

- Câu 1. Hãy trình bày bản chất của Nhà nước CHXHCN Việt Nam?
- Câu 2. Hãy trình bày chức năng của Nhà nước CHXHCN Việt Nam?
- Câu 3. Hãy trình bày khái niệm và phân loại cơ quan nhà nước?
- Câu 4. Hãy nêu những vấn đề pháp lý về Quốc hội?
- Câu 5. Hãy nêu các vấn đề pháp lý của Chủ tịch nước ?
- Câu 6. Hãy nêu các vấn đề pháp lý của Chính phủ ?
- Câu 7. Hãy nêu các vấn đề pháp lý về Hội đồng nhân dân các cấp ?
- Câu 8. Hãy nêu các vấn đề pháp lý của Ủy ban nhân dân các cấp ?

Câu 9. Hãy nêu các vấn đề pháp lý của Tòa án nhân dân các cấp ?

Câu 10. Hãy nêu các vấn đề pháp lý của Viện kiểm sát nhân dân các cấp ?

B. CÂU HỎI ĐÚNG/SAI, GIẢI THÍCH TẠI SAO

1. Nhà nước CHXHCN Việt Nam có hình thức cấu trúc nhà nước đơn nhất.
2. Cơ quan nhà nước có nhiệm vụ, quyền hạn mang tính quyền lực nhà nước.
3. Bộ máy nhà nước là tập hợp các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương.
4. Cơ quan nhà nước làm việc theo chế độ tập thể trước khi biểu quyết phải thảo luận dân chủ, quyết định theo đa số.
5. Quốc hội là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước CHXHCN Việt Nam.
6. Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân.
7. Quốc hội cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước CHXHCN Việt Nam.
8. Chủ tịch nước không bắt buộc phải là đại biểu Quốc hội.
9. Chủ tịch nước là người đứng đầu nhà nước, có quyền quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.
10. Chính phủ là cơ quan đại diện của nhân dân, do cử tri cả nước trực tiếp bầu ra.
11. Thủ tướng Chính phủ do Chủ tịch nước bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm.
12. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ là người đứng đầu chính phủ, do các thành viên chính phủ trực tiếp bầu ra.
13. Hội đồng nhân dân là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, do nhân dân địa phương bầu ra
14. Ủy ban nhân dân địa phương có quyền ban hành được ban hành nghị định và quyết định
15. Tòa án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân là hai cơ quan duy nhất có chức năng xét xử của nhà nước ta.
16. Đảng cộng sản Việt Nam là một cơ quan trong bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam.

CHƯƠNG.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT

A. CÂU HỎI ÔN TẬP LÝ THUYẾT

Câu 1. Hãy trình bày nguồn gốc ra đời pháp luật ?

Câu 2. Hãy trình bày khái niệm và các thuộc tính của pháp luật ?

Câu 3. Hãy trình bày bản chất của pháp luật?

Câu 4. Hãy nêu mối liên hệ giữa pháp luật với các hiện tượng xã hội khác (nền kinh tế, nhà nước, các quy phạm xã hội khác) ?.

Câu 5. Hãy trình bày các vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội?.

Câu 6. Hãy trình bày hình thức của pháp luật ?

Câu 7. Hãy nêu các kiểu pháp luật đã có trong lịch sử loài người?

Câu 8. Hệ thống pháp luật là gì? Hãy nêu các bộ phận cấu thành hệ thống pháp luật?

Câu 9. Hãy nêu hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam và các nguyên tắc áp dụng của văn bản quy phạm pháp luật ?.

Câu 10. Quan hệ pháp luật là gì? hãy nêu các đặc điểm của quan hệ pháp luật?

Câu 11. Hãy trình bày các thành phần của quan hệ pháp luật?

Câu 12. Sự kiện pháp lý là gì? Phân loại sự kiện pháp lý?

Câu 13. Hãy trình bày khái niệm và các hình thức thực hiện pháp luật ?

Câu 14. Hãy nêu các trường hợp áp dụng pháp luật và giai đoạn áp dụng pháp luật?

Câu 15. Vi phạm pháp luật là gì? hãy nêu các dấu hiệu của vi phạm pháp luật?

Câu 16. Hãy trình bày các bộ phận cấu thành của vi phạm pháp luật ?

Câu 17. Hãy trình bày phân loại vi phạm pháp luật?

B. CÂU HỎI ĐÚNG SAI, GIẢI THÍCH TẠI SAO

1. Tập quán và những tín điều tôn giáo trong thời kỳ cộng sản nguyên thủy chính là pháp luật bởi đó chính là những quy tắc xử sự hình thành trật tự của xã hội.

2. Mọi quy tắc xử sự tồn tại trong xã hội có nhà nước đều là pháp luật.

3. Pháp luật chỉ do Nhà nước ban hành để điều chỉnh tất cả các quan hệ diễn ra trong xã hội.

4. Chỉ có pháp luật mới mang tính quy phạm.

5. Ngôn ngữ pháp lý rõ ràng, chính xác thể hiện tính quy phạm phổ biến của pháp luật.

6. Văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan nhà nước, các cá nhân, tổ chức ban hành.

7. Nhà nước bảo đảm cho pháp luật được thực hiện bằng những biện pháp như giáo dục, thuyết phục, bắt buộc thực hiện và cưỡng chế thi hành.

8. Pháp luật Việt Nam thừa nhận Tập quán pháp, Tiền lệ pháp là những nguồn chủ yếu của Pháp luật.

9. Pháp luật Việt Nam chỉ thừa nhận nguồn hình thành pháp luật duy nhất là Văn bản quy phạm pháp luật.

10. Tiền lệ pháp chỉ được hình thành từ cơ quan hành pháp.

11. Tiền lệ pháp không phải là một nguồn pháp luật chính yếu ở Việt Nam.

12. Pháp luật luôn tác động tích cực đối với kinh tế, thúc đẩy kinh tế phát triển.

13. Pháp luật là tiêu chuẩn (chuẩn mực) duy nhất đánh giá hành vi của con người.

14. Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự được áp dụng một lần trong đời sống xã hội.

15. Tập quán là những quy tắc xử sự được xã hội công nhận và truyền từ đời này sang đời khác.

16. Tiền lệ pháp là những quyết định hành chính và án lệ được nhà nước thừa nhận trở thành pháp luật.

17. Quan hệ pháp luật luôn phản ánh ý chí của các bên tham gia vào quan hệ.

18. Công dân đương nhiên là chủ thể của mọi quan hệ pháp luật.

19. Cá nhân tham gia vào quan hệ pháp luật sẽ trở thành chủ thể của quan hệ pháp luật.

20. Năng lực hành vi của mọi cá nhân là như nhau.

21. Năng lực pháp luật của mọi pháp nhân là như nhau.

22. Năng lực pháp luật của chủ thể là khả năng thực hiện các quyền và nghĩa vụ pháp lý do chủ thể đó tự quy định.

23. Năng lực pháp luật của chủ thể trong quan hệ pháp luật phụ thuộc vào pháp luật của từng quốc gia.

24. Năng lực hành vi của chủ thể trong quan hệ pháp luật phụ thuộc vào độ tuổi, tình trạng sức khỏe của chủ thể.

25. Chủ thể không có năng lực hành vi thì không thể tham gia vào quan hệ pháp luật.

26. Năng lực pháp luật của cá nhân phát sinh kể từ khi cá nhân được sinh ra.

27. Khi cá nhân bị hạn chế năng lực pháp luật thì đương nhiên cũng bị hạn chế năng lực hành vi.

28. Nội dung của quan hệ pháp luật đồng nhất với năng lực pháp luật vì nó bao gồm quyền và nghĩa vụ pháp lý.

29. Khách thể của quan hệ pháp luật là yếu tố thúc đẩy cá nhân, tổ chức tham gia vào quan hệ pháp luật trên thực tế.

30. Sự kiện pháp lý là yếu tố thúc đẩy chủ thể tham gia vào quan hệ pháp luật.

31. Đối với cá nhân, năng lực hành vi gắn với sự phát triển của mỗi người và do cá nhân đó tự quy định.

32. Người bị hạn chế năng lực hành vi thì không bị hạn chế năng lực pháp luật.

33. Người bị kết án tù có thời hạn chỉ bị hạn chế năng lực hành vi mà không bị hạn chế năng lực pháp luật.

34. Người say rượu là người có năng lực hành vi hạn chế.

35. Người từ đủ 18 tuổi trở lên là chủ thể của mọi quan hệ pháp luật.

36. Nhà nước là chủ thể của mọi quan hệ pháp luật.
37. Năng lực pháp luật của người đã thành niên thì rộng hơn so với người chưa thành niên.
38. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều là hành vi trái pháp luật.
39. Mọi hành vi trái pháp luật đều là hành vi vi phạm pháp luật.
40. Những quan điểm tiêu cực của chủ thể vi phạm pháp luật được xem là biểu hiện bên ngoài (mặt khách quan) của vi phạm pháp luật.
41. Hậu quả do hành vi vi phạm pháp luật gây ra đều phải là sự thiệt hại về vật chất.
42. Sự thiệt hại về vật chất là dấu hiệu bắt buộc phải có của vi phạm pháp luật.
43. Chủ thể vi phạm pháp luật có thể đồng thời chịu nhiều loại trách nhiệm pháp lý.
44. Phải là người từ đủ 18 tuổi trở lên mới có thể là chủ thể của vi phạm pháp luật.
45. Một hành vi có thể đồng thời vừa là vi phạm pháp luật hình sự vừa là vi phạm pháp luật hành chính, nhưng không thể đồng thời vừa là vi phạm pháp luật hình sự vừa là vi phạm pháp luật dân sự.

C. BÀI TẬP TÌNH HUỐNG

2. Tình huống: Căn cứ vào quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, Công ty May A&Z (chuyên sản xuất hàng các sản phẩm may xuất khẩu) đã đầu tư dây chuyền xử lý chất thải hiện đại của Đức trị giá 5 triệu USD để giảm thiểu ô nhiễm môi trường xung quanh nhà máy, được chính quyền và người dân hết sức ủng hộ.

Tình huống trên có phải là áp dụng pháp luật không? Giải thích tại sao ?.

3. Tình huống: Công ty A ký hợp đồng bảo hiểm cháy nổ với Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt cho toàn bộ tài sản của công ty. Ngày 12/6/2014, do sự cố chập điện ở phân xưởng sản xuất, toàn bộ máy móc thiết bị của các xưởng sản xuất đều bị cháy rụi. Theo điều khoản hợp đồng bảo hiểm đã ký, công ty A đủ điều kiện được thanh toán tiền bảo hiểm.

Hãy phân tích các thành phần của Quan hệ pháp luật trên (chủ thể, khách thể, nội dung của quan hệ pháp luật)?.

4. Tình huống: Cô giáo H là giáo viên một trường mầm non trên địa bàn Hà Nội. Ngày 01/6/2018, khi đang trọng bé T, thấy bé khóc mãi không dừng, cô H đã dùng miếng băng keo dài 15 cm, rộng 4 cm bịt miệng bé T. để bé khỏi khóc. Sau khoảng 2 phút bị dán miệng, bé T. bị tím tái cả người nên cô H. gọi mẹ bé lên và đưa đi cấp cứu nhưng sau một thời gian được cứu chữa, bé T. đã tử vong.

a. Hãy xác định lỗi của cô giáo V?

b. Hãy phân tích lỗi của cô giáo V trong trường hợp trên?

5. Tình huống. Tháng 9/2008, Bộ tài nguyên môi trường đã phát hiện ra vụ việc sai phạm của công ty Bột ngọt Vedan (Công ty TNHH Vedan Việt Nam). Theo đó thì công ty Vedan đã

hàng ngày xả nước thải bẩn (chưa qua xử lý) trực tiếp ra sông Thị Vải (Đồng Nai) suốt 14 năm qua kể từ khi đi vào hoạt động (1994): khoảng 45000m³/1tháng. Hành động này gây ô nhiễm nặng cho dòng sông Thị Vải, gây chết các sinh vật sống ở sông này và ảnh hưởng trầm trọng đến sức khỏe người dân ven sông...

Hãy phân tích các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật của công ty Vedan?

6. Tình huống. Nguyễn Văn A (25 tuổi, Hà Nội), là sinh viên năm 2 của một trường đại học. Năm 2018, quen Internet, Cường quen với anh John Trần (Việt Kiều Mỹ). Năm 2009, anh Trần về thăm quê ở Hải Phòng. Thời điểm này, Cường không có tiền đóng học phí, nhiều lần nhà trường nhắc nhở. Ngày 1/2/2019, Cường đến nhà anh Trần chơi và ở lại đêm. Ngày 2/2/2019, lợi dụng lúc anh Trần đi vắng, tú không khóa, Cường đã lấy đi 1 chiếc lắc 2 lượng vàng 18K. Sau khi bán được hơn 22 triệu đồng, Cường mua một chiếc xe máy và gửi tiền cho mẹ trả nợ, cho bà nội. Sau sự việc, anh Trần có đến công an trình báo và Cường bị bắt ngay sau đó.

a. Hãy phân tích cấu thành vi phạm pháp luật của Cường?

b. Hành vi của Cường thuộc vi phạm pháp luật nào?

7. Tình huống: Tối ngày 19/12, sau khi nhận ca trực, Bùi Tuấn Dũng (34 tuổi, ở Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội), nhân viên bảo vệ của trường đã đột nhập vào phòng làm việc của hiệu trưởng trường lấy trộm 660 triệu đồng và chìa khóa xe ô tô Nissan Teana.

Rạng sáng ngày 20/12, Dũng trộm chiếc ô tô Nissan Teana (trị giá gần 1 tỷ đồng) rồi bỏ trốn. Dũng đã đưa 500 triệu đồng trộm được cho một nhân viên tín dụng ngân hàng để nhờ trả giúp khoản nợ vay trước đó. Số tiền còn lại, Dũng ném xuống giếng nhà bố mẹ vợ ở huyện Thạch Thất (Hà Nội). Đến nay, cơ quan công an đã thu hồi được số tiền mất cắp và chiếc xe ô tô Nissan Teana và đang truy bắt đối tượng Bùi Tuấn Dũng.

1. *Hãy phân tích cấu thành vi phạm pháp luật của Dũng ?*

2. *Dũng phải chịu trách nhiệm pháp lý gì?*

CHƯƠNG.

CÁC NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Câu 3. Hãy trình bày đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của ngành Luật Hình sự ?

Câu 4. Tội phạm là gì? Hãy trình bày các dấu hiệu của tội phạm?

Câu 5. Trình bày cấu thành tội phạm trong truy cứu trách nhiệm hình sự?

Câu 6. Hãy trình bày phân loại tội phạm?

Câu 7. Hình phạt là gì? Đặc điểm và mục đích của hình phạt?

B. CÂU HỎI ĐÚNG SAI, GIẢI THÍCH TẠI SAO

1. Mọi hành vi nguy hiểm cho xã hội đều bị coi là tội phạm
2. Hành vi nguy hiểm cho xã hội không gây ra thiệt hại thì bị coi là phạm tội.
3. Bất kỳ cá nhân nào thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong bộ luật hình sự là chủ thể của tội phạm
4. Không chứng minh được lỗi của người phạm tội thì không được kết tội.
5. Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại không lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến 5 năm tù.
6. Hình phạt chỉ áp dụng đối với tội phạm.
7. Việc phân loại tội phạm thành: tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng do tòa án quyết định.
8. Khi tòa án đã tuyên áp dụng hình phạt chính cho người phạm tội, thì không được áp dụng hình phạt bổ sung nữa.
9. Hình phạt tử hình luôn được áp dụng đối với các chủ thể phạm tội mà điều luật có quy định hình phạt tử hình.
10. Chủ thể của tội phạm chỉ là cá nhân có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự
11. Hành vi gây thiệt hại cho xã hội do chủ thể thực hiện trong tình thế cấp thiết mặc dù không bị truy cứu trách nhiệm hình sự những đó vẫn hành vi trái pháp luật.
12. Người phạm tội có nghĩa vụ phải chứng minh được mình không có lỗi khi thực hiện hành vi phạm tội.